



dòu zi
豆子

Noun · Bean

Example Sentences

zhè shì dòu zi
这是豆子。

This is a bean.

mā mā zhǔ le yī guō dòu zi tāng
妈妈煮了一锅豆子汤。

Mom cooked a pot of bean soup.

dòu zi kě yǐ yòng lái zuò dòu fǔ hé dòu jiāng
豆子可以用来做豆腐和豆浆。

Beans can be used to make tofu and soy milk.

Trace each character, then write the word on your own.

豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆
子	子	子	子	子	子				